

CÔNG TY TNHH KỸ NGHỆ VÀ XÂY DỰNG PHƯƠNG NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KỸ NGHỆ VÀ XÂY DỰNG PHƯƠNG NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUONG NAM ENGINEERING TECHNOLOGY AND CONSTRUCTION LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400935227

3. Ngày thành lập: 18/03/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6, đường Hồ Công Dữ 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0989002200

Fax:

Email: tagiangnam@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
20.	Dịch vụ đóng gói	8292

21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
22.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
23.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
24.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
25.	Hoạt động thể thao khác	9319
26.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
27.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
28.	Lập trình máy vi tính	6201
29.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
30.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
31.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
32.	Cổng thông tin	6312
33.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
34.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế	6920
35.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
36.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế kiến trúc công trình xây dựng công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế nội, ngoại thất công trình. - Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình xây dựng chuyên ngành. Thẩm tra thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán các dự án công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7110
37.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
38.	Quảng cáo	7310
39.	Cho thuê xe có động cơ	7710
40.	Bán buôn tổng hợp	4690
41.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
42.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
43.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

44.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
45.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
46.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
47.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
48.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
49.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
50.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
51.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
52.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
53.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
54.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
55.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
56.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
57.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
58.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
59.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
60.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
61.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
62.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
63.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
64.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
65.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
66.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
67.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
68.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
69.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
70.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
71.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
72.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
73.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
74.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
75.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
76.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
77.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
78.	Bốc xếp hàng hóa	5224

79.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
80.	Cơ sở lưu trú khác	5590
81.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
82.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
83.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
84.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
85.	Xuất bản phần mềm	5820
86.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
87.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
88.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
89.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
90.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
91.	Hoạt động viễn thông khác	6190
92.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
93.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
94.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
95.	Đại lý du lịch	7911
96.	Điều hành tua du lịch	7912
97.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
98.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
99.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
100.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
101.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
102.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
103.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
104.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
105.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
106.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
107.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
108.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
109.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
110.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
111.	Thu gom rác thải độc hại	3812
112.	Tái chế phế liệu	3830

113.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
114.	Xây dựng nhà để ở	4101
115.	Xây dựng nhà không để ở	4102
116.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
117.	Xây dựng công trình điện	4221
118.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
119.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
120.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
121.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
122.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
123.	Phá dỡ	4311
124.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
125.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
126.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
127.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
128.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
129.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
130.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
131.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
132.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
133.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
134.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
135.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
136.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
137.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 8.600.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TẠ GIANG NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/08/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024085021773

Ngày cấp: 18/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 6, đường Hồ Công Dục 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 6, đường Hồ Công Dục 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang